

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2024/HC-PT

Ngày: 18/7/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai
và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Lê Tự**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 83/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1292/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Bà **Mai Thị H.** Địa chỉ: **Số C đường K, tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.** Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Viết D.** Địa chỉ: **Số B, đường L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.** Có mặt.

- ***Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: **Đường T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.**

2. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện K, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: **Đường T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.**

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông **Hồ Văn T** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện **K**, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Huỳnh Phúc H1**. Địa chỉ: **Số C đường K, tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Viết D**. Địa chỉ: **Số B, đường L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện bà **Mai Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện là bà **Mai Thị H trình bày:**

Năm 1980, gia đình bà khai phá một lô đất có diện tích 3656,5 m²; địa chỉ tại **tổ dân phố F thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai**.

Qua quá trình sử dụng, Ban chỉ huy quân sự **huyện K, tỉnh Gia Lai** cho rằng đây là đất phi trường do quân sự quản lý nên đã ban hành thông báo thu hồi đất vào ngày 01/12/2016. Sau đó, **Ban chỉ huy quân sự huyện K, tỉnh Gia Lai** đã bãi bỏ thông báo này. Vì vậy, gia đình bà đã sử dụng đất ổn định đến nay, nhưng không biết lý do gì ngày 14/7/2021, Chủ tịch **UBND huyện K** tiếp tục ban hành Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật đối với gia đình bà.

Ngày 21/10/2021, Chủ tịch **UBND huyện K** tiếp tục ban hành Quyết định số 30/QĐ-HBXPFC để huỷ bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính vì nhận thức được việc xử phạt hành chính là trái pháp luật.

Đến ngày 21/10/2021, Chủ tịch **UBND huyện K, tỉnh Gia Lai** tiếp tục ban hành Quyết định áp dụng khắc phục hậu quả số 31/QĐ-KPHQ và ngày 25/11/2021 ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng khắc phục hậu quả số 40/QĐ-CCXP đối với gia đình bà.

Ngày 25/11/2022, Đoàn cưỡng chế do **UBND huyện K** thành lập đã tiến hành lập biên bản và tháo dỡ nhà của gia đình bà, gây nên thiệt hại cho bà.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết:

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 31/QĐ-KPHQ ngày 21/10/2021 và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 40/QĐ-CCXP ngày 25/11/2021 của Chủ tịch **UBND huyện K, tỉnh Gia Lai**.

- Tuyên bố hành vi cưỡng chế, tháo dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất ngày 25/11/2022 của **UBND huyện K, tỉnh Gia Lai** là trái pháp luật. Buộc **UBND huyện K, tỉnh Gia Lai** khắc phục hậu quả của hành vi hành chính trái pháp luật, bồi thường trị giá nhà đã bị tháo dỡ là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Nay UBND huyện có ý kiến bồi thường, gia đình bà yêu cầu UBND huyện ra quyết định thu hồi đất của ông bà.

2. Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện K trình bày:

- Nguồn gốc của thửa đất: Từ trước năm 1975, gia đình bà Mai Thị H chiếm đất thuộc khu Sân bay đã chiến của chế độ Mỹ - Ngụy để lại, đến năm 1979 thành lập huyện K thì đất này thuộc khu vực Trung tâm thị trấn P, hiện trạng đất tiếp giáp cơ quan Quân sự huyện, cơ quan Quân sự huyện tiếp quản, quản lý, sử dụng làm địa điểm huấn luyện dân quân tự vệ hàng năm. Giai đoạn từ năm 1985 về sau, do khu vực đất tương đối rộng, công tác quản lý đất đai chưa chặt chẽ nên có 19 hộ dân cư trú xung quanh khu vực sân bay cũ đã tận dụng một phần diện tích đất để tăng gia sản xuất, trong đó có ông Mai Văn X (cha ruột bà Mai Thị H, lúc đó là cán bộ công tác tại cơ quan Thanh tra huyện, tận dụng tăng gia sản xuất trên 3.656,5m² thuộc khu vực đất trên – trồng một số cây điều).

Từ năm 2003 (ông X1 chết) bà H chỉ quản lý một số cây điều còn lại trên đất. Theo bản đồ hiện trạng tổng hợp thị trấn P năm 1995 (được Sở Xây dựng phê duyệt), xác định tại vị trí thửa đất bà H chiếm là đất Quân sự. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính được lập từ năm 2000 thì xác định vị trí đất bà Mai Thị H chiếm tại khu vực phi trường thuộc tờ bản đồ số 25B là khu Sân bay.

Năm 2013, UBND huyện đã thanh tra xác định hộ bà Mai Thị H cùng 18 hộ dân đang chiếm đất phi trường cũ nên yêu cầu 19 hộ gia đình ngưng sản xuất, trả lại đất cho nhà nước; kết quả là 18/19 hộ tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước quản lý theo quy định. Chỉ riêng trường hợp của hộ bà Mai Thị H, mặc dù cơ quan chức năng đã vận động nhiều lần nhưng hộ gia đình không chấp hành.

Đến năm 2015, gia đình bà Mai Thị H có đơn xin dựng mái vòm để bán nước giải khát tại vị trí đất trên (qua kiểm tra xác định, diện tích xây dựng 189,0m²; phần diện tích 3,467,5m² còn lại hộ gia đình không sử dụng nữa và không còn bất kỳ tài sản nào của gia đình trên đất; cơ quan quân sự huyện vẫn quản lý), trong đơn bà H có nêu rõ: “*Lô đất trên thuộc quy hoạch đất Quân sự, khi có yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng hoặc vào mục đích khác yêu cầu tháo dỡ thì gia đình sẽ chấp hành tự tháo dỡ theo đúng yêu cầu và thời gian quy định*”. Tuy nhiên, khi cơ quan chức năng có văn bản yêu cầu tháo dỡ công trình trả lại mặt bằng đất, gia đình bà H không chấp hành.

Năm 2016, tại biên bản kiểm tra, kiểm đếm đất Sân bay phi trường cũ, bà H và ông Huỳnh Phúc H1 đã ký xác nhận trong đó có nội dung nguồn gốc phần đất gia đình bà H đang sử dụng tại tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K là loại đất quốc phòng và nguồn gốc đất là đất phi trường (sân bay đã chiến cũ của chế độ Ngụy) do cơ quan Quân sự huyện quản lý.

Năm 2021, theo Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của những người cư trú cùng thời điểm nơi có đất đã xác định:

Nguồn gốc là đất phi trường cũ (khu sân bay đã chiến của chế độ Ngụy để lại) từ sau giải phóng năm 1975. Giai đoạn từ năm 1985 - 1988, ông Mai Văn X là cha ruột của bà Mai Thị H đã chiếm dụng đất để tăng gia sản xuất (để trồng cây điều) đến năm 2003. Từ năm 2003, sau khi ông X chết thì bà H quản lý một số cây điều trên đất do cha mẹ để lại. Vào năm 1997, các hộ tăng gia sản xuất trên

khu vực đất phi trường (có ông **Mai Văn X2**) được Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện là ông **Phạm Văn B** thông báo rõ về nguồn gốc và chỉ được sử dụng tạm để trồng cây nông nghiệp ngăn ngừa đến khi nhà nước yêu cầu thì phải trả lại và không được yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, gia đình bà **H** không có bất kỳ giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của mình trên thửa đất. Mặt khác, bản thân gia đình bà **H** cũng biết đây là đất công, nên vào các năm 2013, 2015 và 2016, gia đình bà đã viết bản cam kết, đơn trình bày xin mượn đất và ký xác nhận vào biên bản kiểm tra, kiểm đếm đất, trong đó khẳng định đất gia đình bà đang sử dụng là đất công, nguồn gốc đất là đất phi trường (sân bay đã chiến cũ) do cơ quan Quân sự huyện quản lý, gia đình bà chỉ xin được tạm thời sử dụng đến khi nào Nhà nước có nhu cầu sẽ trả lại theo đúng yêu cầu và thời gian quy định. Do đó, thửa đất bà **Mai Thị H** sử dụng tại khu vực phi trường cũ có nguồn gốc là đất công, do nhà nước quản lý, không thể gọi là đất khai hoang.

- Về việc giải quyết đối với hành vi chiếm đất của gia đình bà **Mai Thị H**:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất thì ngày 14/7/2021, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC để phạt tiền 30.000.000 đồng đối với bà **Mai Thị H** về hành vi chiếm 189,0m² đất phi nông nghiệp, xây dựng công trình nhà tạm để kinh doanh tại khu vực TDP 06 (phi trường cũ), **thị trấn P, huyện K**. Đồng thời, buộc gia đình khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Sau khi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bà **Mai Thị H** đã có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện đã tổ chức đối thoại trực tiếp với hộ gia đình và ban hành Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 về giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Tiếp đó, bà **H** tiếp tục thực hiện quyền khiếu nại (lần 2) đến Chủ tịch **UBND tỉnh G**. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh và kiến nghị của Thanh tra tỉnh (tại Công văn số 436/TTr-NV1 ngày 14/10/2021), ngày 21/10/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành 02 Quyết định gồm: Quyết định số 30/QĐ-HBXPVPHC về hủy bỏ toàn bộ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC ngày 14/7/2021 và Quyết định số 32/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của bà **Mai Thị H**.

Đồng thời, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện K** đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-KPHQ ngày 21/10/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính gây ra. Tuy nhiên, bà **Mai Thị H** không tự nguyện chấp hành. Bà **H** đã khởi kiện vụ án hành chính.

Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý vụ án hành chính số 31/2021/TLST-HC ngày 13/12/2021 đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị H** và ban hành Quyết định số 101/2021/QĐ-BPKCTT ngày 15/12/2021 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định Cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời*”, do đó **UBND huyện K**

tạm dừng việc cưỡng chế. Đến ngày 30/9/2022, bà **H** tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Trên cơ sở đó, UBND huyện đã thực hiện quy trình, thủ tục cưỡng chế thi hành Quyết định cưỡng chế theo đúng quy định của pháp luật và bàn giao diện tích đất lấn chiếm cho **UBND thị trấn P** quản lý, trồng cây xanh theo quy định.

Mặt khác, vào năm 2017 UBND huyện đã có quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ công cải tạo đất, cây cối hoa màu, vật kiến trúc cho các hộ dân đang canh tác trên đất phi trường Sân bay cũ, (cụ thể là 18 hộ) trong đó hỗ trợ cho hộ gia đình bà **Mai Thị H** số tiền 42.664.000 đồng, nhưng gia đình bà **H** không đồng ý nhận. Vì vậy, khoản tiền này hiện nay đang được gửi tại **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K**.

Do đó, người bị kiện không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Phúc H1 trình bày:

Ông đồng ý với ý kiến của người khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai chấp nhận đơn khởi kiện của bà **Mai Thị H**.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 347, Điều 348, khoản 1 Điều 359 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật đất đai;

Căn cứ Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 14, khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Mai Thị H yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 31/QĐ-KPHQ ngày 21/10/2021 và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 40/QĐ-CCXP ngày 25/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Tuyên bố hành vi cưỡng chế, tháo dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất ngày 25/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai khắc phục hậu quả của hành vi hành chính trái pháp luật, bồi thường trị giá nhà đã bị tháo dỡ là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai về số tiền hỗ trợ cho bà Mai Thị H khi thực hiện việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế. Bà Mai Thị H liên hệ với Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện K để nhận số tiền 42.664.000 (Bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng mà UBND huyện K thông qua Ban chỉ huy quân sự huyện K đã tạm gửi theo số tài khoản tiền gửi 5007803333579, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 05/02/2024, người khởi kiện bà Mai Thị H kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Mai Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Mai Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Mai Thị H đúng thủ tục và trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, hình thức của Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 31/QĐ-KPHQ ngày 21/10/2021 (sau đây ghi tắt là Quyết định số 31) và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 40/QĐ-CCXP ngày 25/11/2021 (sau đây ghi tắt là Quyết định số 40) của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Gia Lai và hành vi cưỡng chế, tháo dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất ngày 25/11/2022 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai là đúng pháp luật.

[2.2]. Xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện:

Ngày 21/10/2021, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 31/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính của bà Mai Thị H.

Bà H không đồng ý với Quyết định số 31 và khiếu nại quyết định này đến Chủ tịch UBND huyện K. Ngày 08/11/2021, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 887/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị H (lần đầu), nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H và giữ nguyên nội dung của Quyết định số 31. Bà H không tiếp tục khiếu nại lần 2 mà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 31 đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Ngày 13/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý vụ án hành chính số 31/2021/TLST-HC đối với yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H về việc hủy các Quyết định số 31, Quyết định số 40 và Quyết định số 887. Đến ngày 30/9/2022 bà H tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 30/5/2023, bà H khởi kiện lại và tiếp tục yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai hủy các Quyết định số 31 và Quyết định số 40. Theo điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính quy định thời hiệu khởi kiện là “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”. Như vậy, tính từ thời điểm bà Mai Thị H nhận và biết được các Quyết định hành chính bị kiện trên đã quá thời hạn 01 năm, yêu cầu khởi kiện này của bà H đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tuy nhiên, ngày 25/11/2022, UBND huyện K thực hiện hành vi cưỡng chế, tháo dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất. Ngày 30/5/2023, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi này là trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó để giải quyết toàn diện cần xem xét cả hai quyết định nêu trên vì có liên quan đối với hành vi cưỡng chế bị khởi kiện.

Người khởi kiện bà Mai Thị H trình bày, năm 1980 gia đình bà khai phá một thửa đất để tăng gia sản xuất trồng cây điều với diện tích 3656,5 m², địa chỉ tại tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Sau khi cha của bà H là ông Mai Văn X2 chết năm 2003, thì bà H quản lý sử dụng đất đến khi bị cưỡng chế. Tuy nhiên từ khi sử dụng đất đến nay, gia đình bà H không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bất kỳ giấy tờ gì để chứng minh ông X (cha bà H) cũng như bà H được quyền sử dụng diện tích đất này. Người khởi kiện cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình.

Tại Quyết định số 41/QĐ-UB-QH ngày 05/3/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh G - KonTum và Tờ bản đồ quy hoạch kèm theo thì thể hiện diện tích đất này là đất phi trường chứ không phải đất khai hoang như trình bày của người khởi kiện.

Năm 2013, UBND huyện K đã thực hiện thanh tra và sau khi đối chiếu với bản đồ Quy hoạch chung mặt bằng tổng thể của thị trấn P được Sở Xây dựng phê duyệt năm 1995 (tờ bản đồ tại bút lục số 51) thì xác định được diện tích đất hộ bà Mai Thị H đang khiếu kiện thuộc khu sân bay đã chiến của chế độ Ngụy để lại (đất phi trường cũ), đất do Ban chỉ huy quân sự huyện tiếp quản, quản lý, sử dụng làm địa điểm huấn luyện dân quân tự vệ hàng năm theo quy định.

Quá trình sử dụng đất, gia đình bà H cũng biết được đây là đất Quân sự nên vào ngày 16/12/2013, ông Huỳnh Phúc H1 (chồng của bà H) đã ký bản cam kết gửi Ban chỉ huy quân sự huyện K có nội dung “Hiện tại tôi có canh tác trên đất Quốc phòng do Ban chỉ huy quân sự (viết tắt là CHQS) huyện K quản lý từ năm.....đến nay. Với diện tích 3.656.5m²...Tôi xin cam kết tạm thời sử dụng trồng cây nông nghiệp trên đất do Ban CHQS huyện quản lý, khi nào Ban CHQS huyện Krông Pa có nhu cầu sử dụng đất vào mục đích của đơn vị, thì tôi trả đất lại cho Ban CHQS huyện. Đồng thời nếu tiếp tục được canh tác trên đất quốc phòng thì gia đình tôi sẽ không trồng cây lâu năm cũng như xây dựng công trình kiên cố trên đất do Ban CHQS huyện quản lý” và ngày 16/10/2015, bà H có “Đơn trình bày về việc xin dựng mái vòm để bán nước giải khát” gửi lãnh đạo Ban chỉ huy Quân sự huyện K với nội dung xin được xây dựng quán tạm trên đất với diện tích nhà tạm khoảng 60m² và đến khi Ban chỉ huy Quân sự có yêu cầu nhiệm vụ Quốc phòng hoặc vào mục đích khác yêu cầu tháo dỡ thì gia đình bà H sẽ chấp hành tự tháo dỡ theo đúng yêu cầu và thời gian quy định. Tuy nhiên, khi Ban chỉ huy Quân sự huyện K ra Thông báo số 101/TB-UBND ngày 29/11/2016 về việc thông báo thu hồi đất các hộ dân đang canh tác trên đất phi trường để sử dụng cho mục đích Quốc phòng, đồng thời thực hiện phương án hỗ trợ công cải tạo đất, cây cối hoa màu, vật kiến trúc cho các hộ dân thì 18/19 hộ tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước quản lý theo quy định và đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Riêng đối với trường hợp của hộ bà Mai Thị H, mặc dù cơ quan chức năng đã vận động nhiều lần nhưng hộ gia đình bà H không chấp hành.

Như vậy xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất mà bà Mai Thị H đang khiếu kiện thì thấy rằng: Diện tích đất là đất này do gia đình bà H tự ý sử dụng không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, đây là đất sân bay của chế độ cũ, sau do Nhà nước quản lý kể khi thống nhất đất nước ta từ năm 1975. Sau đó gia đình bà H đã lấn chiếm, sử dụng một phần diện tích đất Sân bay và diện tích đất thuộc đất do cơ quan quốc phòng quản lý theo quy định.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất thì ngày 14/7/2021, Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC để phạt tiền 30.000.000 đồng đối với bà Mai Thị H về hành vi chiếm 189,0m² đất phi nông nghiệp, xây dựng công trình nhà tạm để kinh doanh tại khu vực TDP 06 (phi trường cũ), thị trấn P, huyện K. Đồng thời, buộc gia đình khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Sau đó ngày 21/10/2021, Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-HBXPVPHC về hủy bỏ toàn bộ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC ngày 14/7/2021 và Quyết định số 32/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Mai Thị H vì lý do hành vi

vi phạm hành chính của bà **H** đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và hết thời hạn ra quyết định xử phạt.

Đồng thời, Chủ tịch **UBND huyện K** đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-KPHQ ngày 21/10/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính của bà **Mai Thị H** gây ra là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 14, khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Do bà **H** không chấp hành Quyết định số 31 nêu trên nên Chủ tịch **UBND huyện K** ra Quyết định số 40 để cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Như vậy việc Chủ tịch **UBND huyện K** ban hành các Quyết định số 31 và Quyết định số 40 là hoàn toàn có căn cứ, nên không có cơ sở xác định Chủ tịch **UBND huyện K** thực hiện hành vi cưỡng chế, tháo dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất ngày 25/11/2022 là trái pháp luật.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà **Mai Thị H** về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế, tháo dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất ngày 25/11/2022 của **UBND huyện K**, tỉnh Gia Lai là trái pháp luật và không chấp nhận yêu cầu buộc **UBND huyện K**, tỉnh Gia Lai khắc phục hậu quả của hành vi hành chính trái pháp luật, bồi thường trị giá nhà đã bị tháo dỡ là 250.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Đối với số tiền mà **UBND huyện K** hỗ trợ cho bà **Mai Thị H** khi thực hiện việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không có thêm tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc bác kháng cáo của bà **Mai Thị H** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[3]. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà **Mai Thị H** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà **Mai Thị H**; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm bà **Mai Thị H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0000029 ngày 20/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (do ông **Đinh Viết D** nộp thay).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hợp